TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ X** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08/8/2022
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Chân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Bằng;

- Ông Nguyễn Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phát Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Kim Thoa –Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2022/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2022/QĐST - DS ngày 21 tháng 7 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Diễm M, sinh năm 1996, địa chỉ: số 25, ấp PT, xã MT B, huyện CT, tỉnh Kiên Giang; (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Hồ Văn Đ, sinh năm 1988, địa chỉ: số 1350, tổ 8, ấp MA, xã VC, thành phố X, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Diễm M trình bày: Bà M và ông Đ tự tìm hiểu yêu thương và chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VC, thành phố X, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 21/2016, quyển số 01/2016, ngày 30/5/2016. Trong thời gian chung sống, bà M và ông Đ có sinh 01 con chung tên Hồ Gia H, sinh ngày 24/9/2017. Thời gian đầu vợ, chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng

quan điểm, nguyên nhân do ông Đ không quan tâm chăm sóc gia đình, kể từ tháng 10 năm 2021 vợ chồng không còn chung sống với nhau.

Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên bà M yêu cầu được ly hôn với ông Đ; bà M đồng ý giao con chung tên Hồ Gia H, sinh ngày 24/9/2017; cho ông Đ nuôi dạy và không cấp dưỡng nuôi dạy con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do ông Đ vắng mặt.

Tại phiên tòa,

- Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

***** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 BLTTDS. Xác định thẩm quyền thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 BLTTDS năm 2015.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lí do, thuộc trường hợp Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 BLTTDS.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp, thể hiện: Năm 2016 bà và ông Đ tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VC, nên được xem là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Trong thời gian chung sống bà và ông Đ có 01 con chung tên Hồ Gia H, sinh ngày 24/9/2017, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, ông Đ không chăm lo gia đình, từ tháng 10/2021 đến nay vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng tình cảm không còn bà yêu cầu ly hôn với ông Đ.

Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong

gia đình và sống chung với nhau. Tuy nhiên, trong suốt thời gian chung sống bà M ông Đ thường xảy ra mâu thuẫn, không còn sống chung với nhau, trong thời gian dài vợ chồng cũng không chủ đồng hàn gắn tình cảm. Hơn nữa, quá trình thụ lý giải quyết mặc dù, ông Đ biết việc bà M kiện yêu cầu ly hôn nhưng cũng không đến Tòa tham gia hòa giải, không cung cấp lời khai, thể hiện việc ông Đ cũng không mong muốn hàn gắn tình cảm. Qua ghi nhận lời khai bà Thanh (mẹ ruột ông Đ) được biết ông Đ bà M phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông Đ biết việc M yêu cầu ly hôn nhưng Đ không có ý kiến.

Về con chung: có một con chung tên Hồ Gia H, sinh ngày 24/9/2017 hiện đang sống cùng ông Đ, bà M đồng ý giao con cho ông Đ nuôi dạy, bà không cấp dưỡng nuôi con. Mặc dù, không ghi nhận được ý kiến trực tiếp của ông Đ về việc nuôi con nhưng qua ghi nhận lời khai bà Thanh mẹ ruột ông Đ, bà cho biết ông Đ yêu cầu được tiếp tuc nuôi con, không yêu cầu M cấp dưỡng. Do đó, để đảm bảo ổn Đ cuộc sống của con việc tiếp tục giao con chung cho ông Đ nuôi dạy, M không cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định pháp luật. Về tài sản chung nợ chung: không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Từ phân tích trên, Căn cứ các Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Huỳnh Diễm M khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Hồ Văn Đ. Ông Đ cư trú tại số số 1350, tổ 8, ấp MA, xã VC, thành phố X, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà M có đơn đề nghị xin vắng mặt tại phiên tòa; ông Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà M, ông Đ.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Diễm M và ông Hồ Văn Đ chung sống với nhau từ năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VC, thành phố X, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 21/2016, quyển số 01/2016, ngày 30/5/2016 nên là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau. Tuy nhiên, trong suốt thời gian chung sống bà M ông Đ thường xảy ra mâu thuẫn, không còn sống chung với nhau, trong thời gian dài vợ chồng cũng không chủ đồng hàn gắn tình cảm. Hơn nữa, quá trình thụ lý giải quyết mặc dù, ông Đ biết việc bà M kiện yêu cầu ly hôn nhưng cũng không đến Tòa tham gia hòa giải, không cung cấp lời khai, thể hiện việc ông Đ cũng không mong muốn hàn gắn tình cảm. Qua ghi nhận lời khai bà Thanh (mẹ ruột ông Đ) được biết ông Đ bà M phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông Đ biết việc M yêu cầu ly hôn nhưng Đ không có ý kiến.

Từ những căn cứ nêu trên, nhận thấy mâu thuẫn gia đình giữa bà M với ông Đ là trầm trọng, có kéo dài quan hệ hôn nhân thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M về việc ly hôn với ông Đ theo quy Đ tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: có một con chung tên Hồ Gia H, sinh ngày 24/9/2017 hiện đang sống cùng ông Đ, bà M đồng ý giao con cho ông Đ nuôi dạy, bà không cấp dưỡng nuôi con. Mặc dù, không ghi nhận được ý kiến trực tiếp của ông Đ về việc nuôi con nhưng qua ghi nhận lời khai bà Thanh mẹ ruột ông Đ, bà cho biết ông Đ yêu cầu được tiếp tuc nuôi con, không yêu cầu M cấp dưỡng. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống của con việc tiếp tục giao con chung cho ông Đ nuôi dạy, M không cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định pháp luật.

Ông Hồ Văn Đ cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Huỳnh Diễm M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Qua ghi nhận lời khai bà Thanh mẹ ruột ông Đ, bà cho biết ông Đ yêu cầu được tiếp tuc nuôi con, không yêu cầu M cấp dưỡng. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống của con việc tiếp tục giao con chung cho ông Đ nuôi dạy, M không cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định pháp luật.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Huỳnh Diễm M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là *300.000 (ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002088 ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X.

Ông Hồ Văn Đ không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Diễm M.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Diễm M được ly hôn với ông Hồ Văn Đ.

[2] Về con chung:

Ông Hồ Văn Đ được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Hồ Gia H, sinh ngày 24/9/2017.

Ông Hồ Văn Đ cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Huỳnh Diễm M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà Huỳnh Diễm M phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai số 0002088 ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X; bà M đã nộp đủ án phí.

Ông Hồ Văn Đ không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Giấy chứng nhận kết hôn số 21/2016, quyển số 01/2016, ngày 30/5/2016 của Ủy ban nhân dân xã VC, thành phố X, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[5] Về quyền kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo của bà Huỳnh Diễm M, ông Hồ Văn Đ là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND TP. X (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.X (1);
- Các đương sự;
- UBND xã, phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

Nguyễn Quang Chân